

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG THEO PHƯƠNG THỨC BOT TẠI VIỆT NAM

Vũ Anh Thư

Khoa Quốc tế học

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

Trải qua hơn ba mươi năm bị chiến tranh tàn phá, hệ thống cơ sở hạ tầng Việt nam bị hư hại nghiêm trọng. Công cuộc xây dựng đất nước, khôi phục kinh tế đòi hỏi có một hệ thống cơ sở hạ tầng đầy đủ và hoàn thiện. Việt Nam cũng như các nước đang phát triển khác có nhu cầu rất lớn trong lĩnh vực đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình kết cấu hạ tầng như giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, sân bay, bến cảng, nhà máy điện, nước và các dịch vụ công cộng khác.

Có một thời gian dài, Việt Nam cũng như các quốc gia khác đều cho rằng chỉ có Nhà nước mới có đủ nguồn lực về tài chính, con người và tài nguyên thiên nhiên để thực hiện những dự án đầu tư lớn, Nhà nước là tổ chức đầu tư và sở hữu duy nhất đối với các công trình kết cấu hạ tầng công cộng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy rằng sự khan hiếm nguồn vốn của khu vực Nhà nước và sự hạn chế không tiếp cận được các nguồn vốn vay của Chính phủ, sự lạc hậu của các công nghệ trong nước đã cản trở rất lớn đến quá trình phát triển công trình kết cấu hạ tầng, không đáp ứng được các lợi ích kinh tế và xã hội, đặc biệt là ở những nước đang phát triển. Một số quốc gia đã nhận thấy cần có sự tham gia và cạnh tranh của khu vực tư nhân (cả trong và ngoài nước) để phát triển công trình kết cấu hạ tầng công cộng.

Một trong những phương thức được các nước trên thế giới công nhận và sử dụng để cho phép tư nhân tham gia phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng là phương thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (*build - operate - transfer / BOT*). So với các phương tiện khác như cho thuê cơ sở hạ tầng, ký hợp đồng quản lý cơ sở hạ tầng hay nhượng quyền khác, sử dụng mô hình BOT đối với phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng sẽ đem lại cho Chính phủ một số lợi ích sau [8, tr.7]

- Việc sử dụng nguồn tài trợ từ khu vực tư nhân để tạo ra các nguồn vốn mới, làm giảm gánh nặng đầu tư từ ngân sách Nhà nước, cho phép tư nhân tham gia vào các ngành mà hiện nay được xem là độc quyền của Nhà nước, tạo ra sự cạnh tranh cần thiết cho việc phát triển kinh tế.

- Tăng khả năng phát triển các dự án công trình kết cấu hạ tầng nhanh chóng, nếu không thì phải chờ đợi các nguồn vốn phân tán của Chính phủ.

- Việc sử dụng vốn, sáng kiến và các bí quyết kỹ thuật của khu vực tư nhân sẽ làm giảm giá xây dựng dự án, rút ngắn thời gian và cải thiện tính hiệu quả khai thác công trình.

- Chia sẻ rủi ro và gánh nặng tài chính của dự án giữa Nhà nước với các bên triển khai dự án
- Sự tham gia của các nhà tài trợ tư nhân và các nhà cho vay thương mại có kinh nghiệm đảm bảo việc đánh giá kỹ lưỡng về tính khả thi của dự án.
- Chính phủ muốn hình thành một phương pháp chuẩn đối với các nỗ lực của khu vực Nhà nước do đó giúp cải thiện được tính hiệu quả trong thực hiện và quản lý các dự án của khu vực Nhà nước.
- Mức phí đánh vào người sử dụng là chấp nhận được.
- Khi có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, nước chủ nhà có được sự chuyển giao công nghệ tiên tiến, đào tạo nhân lực và phát triển thị trường vốn quốc gia.
- Ngược lại với việc tư nhân hoá hoàn toàn, thông qua hợp đồng BOT, Nhà nước vẫn giữ quyền kiểm soát chiến lược đối với công trình mà nó sẽ được chuyển giao khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Kể từ Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986, với chủ trương chuyển nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường; theo định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân đã dần dần được công nhận và từng bước tham gia vào các lĩnh vực kinh tế khác nhau. Riêng đối với lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, ngoài việc tích lũy từ nền kinh tế quốc dân, Đảng và Nhà nước ta chủ trương huy động vốn cho đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng từ các khoản vay và viện trợ của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là thu hút nguồn vốn đáng kể từ khu vực kinh tế tư nhân ở trong và ngoài nước. Tiếp thu kinh nghiệm của các nước, Việt Nam cũng áp dụng phương thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao để kêu gọi khu vực tư nhân tham gia phát triển cơ sở hạ tầng. Cơ sở pháp lý để áp dụng phương thức BOT là Nghị định 77-CP của Chính phủ ngày 18/6/1997 về việc ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước ("**ND 77**") và Nghị định 62/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/8/1998 ban hành Quy chế đầu tư theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh và Hợp đồng xây dựng - chuyển giao áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ("**Nghị định 62**"), Nghị định 02/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/1/1999 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62 ("**Nghị định 02**"). Đây là những cơ sở pháp lý riêng biệt áp dụng cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Về cơ bản hai quy chế pháp lý này có những điểm tương đồng nhau, tuy nhiên cũng có một số điểm chúng ta cần so sánh thêm để làm rõ nội dung và ý nghĩa của phương thức BOT trong nước và nước ngoài, từ đó tìm ra một mô hình hoàn thiện hơn áp dụng chung cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

1. Định nghĩa về BOT

Có nhiều cách định nghĩa về BOT. Khoản 1 Điều 1 của **Nghị định 77** đưa ra một định nghĩa về dự án BOT để xác định tính chất của phương thức đầu tư BOT:

“Dự án: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (viết tắt theo tiếng Anh là BOT) là dự án đầu tư xây dựng công trình, tổ chức quản lý và kinh doanh có thu phí ciclich vụ sử dụng công trình với thời hạn dự tính thu hồi đủ vốn và thu được lợi nhuận hợp lý; sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng thì công trình đó được chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước để tiếp tục quản lý và sử dụng”. Trái lại, Điều 1 **Nghị định 62** lại đưa ra một định nghĩa về hợp đồng BOT như sau: “Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao” (viết tắt theo tiếng Anh là BOT) là văn bản ký kết giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt nam và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng (kể cả mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá công trình) và kinh doanh trong một thời gian nhất định để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý; hết thời hạn kinh doanh Nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt nam”. Mặc dù có cách hiểu khác nhau về BOT nhưng cả hai định nghĩa trên đều phản ánh đúng bản chất của phương thức BOT đó là một thỏa thuận, theo đó một doanh nghiệp BOT chịu trách nhiệm xây dựng, bao gồm cả thiết kế và tài trợ một công trình kết cấu hạ tầng và tiến hành kinh doanh, duy tu và bảo dưỡng công trình. Doanh nghiệp BOT kinh doanh công trình đó trong một thời gian nhất định, trong quá trình kinh doanh doanh nghiệp được phép thu phí hoặc các khoản thu khác ở mức hợp lý từ người sử dụng nhưng không được vượt quá các mức đã nêu trong tài liệu dự thầu và quy định trong thỏa thuận về dự án nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi được vốn đầu tư, chi phí hoạt động và bảo dưỡng công trình với lợi nhuận hợp lý. Hết thời hạn, doanh nghiệp BOT chuyển giao công trình cho một cơ quan của Chính phủ hoặc cho một nhà thầu mới được lựa chọn qua đấu thầu công khai [1, tr.343]. Ngoài phương thức BOT, **Nghị định 62** còn quy định thêm hai phương thức nữa là xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (*build - transfer - operate /BTO*) và xây dựng - chuyển giao (*build-transfer /BT*). Nhưng về bản chất hai phương thức này cũng giống với phương thức BOT nói trên.

2. Chủ đầu tư

Đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng có kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài thì chủ đầu tư là tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là “Nhà đầu tư”). Sau khi ký kết Hợp đồng BOT với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài sẽ thành lập một doanh nghiệp BOT dưới hình thức doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để tiến hành thiết kế, thi công công trình và quản lý, khai thác, kinh doanh công trình trong suốt thời hạn hoạt động của dự án. Doanh nghiệp BOT có tư cách pháp nhân Việt nam và chịu trách nhiệm hữu hạn. Doanh nghiệp BOT chỉ được phép hoạt động sau khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư theo sự uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ và có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư được quy định trong Hợp đồng BOT (Điều 1, **Nghị định 02**)

Trong khi đó, đối với các dự án BOT trong nước, **Nghị định 77** quy định đối tượng áp dụng tương đối rộng, bao gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và công dân Việt nam từ đủ 18 tuổi trở lên, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam được phép đầu tư và phát triển các dự án cơ sở hạ tầng. Doanh nghiệp BOT được thành lập trên cơ sở là một doanh nghiệp đã thành lập và đang hoạt động hoặc một doanh nghiệp được thành lập mới để thực hiện dự án BOT. Đối với một doanh nghiệp có sẵn, **Nghị định 77** chỉ yêu cầu doanh nghiệp bổ sung đăng ký ngành nghề kinh doanh. Nhưng có một vấn đề đặt ra là theo Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân trước đây và Luật Doanh nghiệp hiện đang có hiệu lực thì thực hiện dự án BOT không được xếp vào bất kỳ loại hình ngành nghề kinh doanh nào. Nói cách khác, tham gia phát triển cơ sở hạ tầng theo phương thức BOT có thể gồm nhiều nhà đầu tư và tài trợ dự án (nhà xây dựng, người cung cấp nguyên nhiên liệu, người cung cấp máy móc, thiết bị, nhà cho vay, người vận hành và bảo dưỡng máy móc...), họ tham gia kinh doanh theo những ngành nghề đã đăng ký. Vậy khi họ được chọn thực hiện dự án BOT thì họ hoàn toàn không thay đổi ngành nghề kinh doanh vốn có của họ. Thêm nữa, **Nghị định 77** và Thông tư số 12 -BKH/QLKT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 27/8/1997 hướng dẫn Nghị định 77 ("**Thông tư 12**") đều bắt buộc các doanh nghiệp tham gia dự án BOT phải có đủ cán bộ có trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý để đáp ứng các yêu cầu của dự án, đồng thời doanh nghiệp cần phải thành lập riêng một chi nhánh để tổ chức quản lý xây dựng và kinh doanh, khai thác công trình. Thực hiện dự án BOT cũng chỉ là một trong hàng trăm, hàng nghìn dự án mà các doanh nghiệp đang tiến hành hoạt động kinh doanh mà thôi. Do đó, yêu cầu doanh nghiệp BOT phải đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh là không hợp lý và trên thực tế cơ quan đăng ký kinh doanh không biết xếp dự án BOT vào loại ngành nghề nào (thương mại, sản xuất hay dịch vụ...). Nếu cần thiết do tính chất đặc biệt của phương thức BOT, pháp luật chỉ nên quy định doanh nghiệp cần lập sổ sách kế toán riêng để theo dõi dự án và đăng báo công khai về việc thực hiện dự án BOT mà thôi. Đối với các doanh nghiệp được thành lập mới để thực hiện dự án BOT, tùy theo loại hình doanh nghiệp (hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân) mà doanh nghiệp BOT được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã, Luật doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp BOT theo quy chế BOT trong nước sẽ đa dạng hơn, doanh nghiệp có thể có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn hoặc vô hạn đối với các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Nguồn vốn

Trọng tâm của dự án BOT là xem xét nguồn vốn đầu tư. Người ta đánh giá phương thức BOT thực chất là một trong những cách thức tài trợ dự án có hiệu quả mà hiện nay đang được nhiều nước quan tâm.

Tài trợ dự án được coi là một biện pháp tài chính, theo đó ngoài nguồn vốn đóng góp của các nhà đầu tư, người cho vay sẽ cấp một khoản tiền vay nhằm mục đích xây dựng một công trình như nhà máy điện, một tuyến đường giao thông... Lãi suất của khoản vay sẽ được thanh toán từ nguồn tiền được tạo ra bởi chính bản thân dự án và nguồn bảo đảm duy nhất là tài sản của dự án. Trong trường hợp doanh nghiệp BOT không thanh toán được các khoản vay thì người cho vay sẽ không nhận được bất kỳ sự bảo lãnh nào từ các nhà tài trợ dự án trừ việc tiếp quản dự án. Bởi vì khi dự án xây dựng xong, nếu mọi công việc đều tiến triển tốt, doanh nghiệp BOT sẽ có một dòng tiền đều đặn thu được từ việc kinh doanh công trình có khả năng trả được lãi suất của khoản vay và trả dần vốn vay, thanh toán cổ tức cho các cổ đông và nộp thuế, những rủi ro đối với người cho vay được giảm thiểu. Tài trợ dự án đóng một vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc phát triển công trình kết cấu hạ tầng vì nó cũng là một biện pháp mang tính kỹ thuật mà theo đó nguồn vốn có thể có được từ các tổ chức tài chính quốc tế, các ngân hàng tư nhân và thị trường vốn quốc tế... cho một mục tiêu cụ thể và dựa trên cơ sở là người cung cấp vốn chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định, nếu dự án bị thất bại họ sẽ không có bất kỳ nguồn tin cậy nào theo hình thức bảo đảm thanh toán (*non-recourse* hay *limited recourse*) để bù lại khoản tiền mà họ đã đầu tư hay ứng ra trước. Tài trợ dự án cho phép Chính phủ cấp vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật bằng việc sử dụng "tiền của người khác", ngược lại "những người khác" này mong muốn Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có liên quan sẽ ký kết những thỏa thuận trong đó đưa ra cho họ một mức độ bảo đảm nhất định (nhưng không phải là bảo lãnh) sao cho tiền của họ không chỉ được bù đắp tại một thời điểm nào đó trong tương lai mà đồng thời họ có những cơ hội kiếm tiền từ dự án. Người cho vay tìm kiếm khả năng bảo đảm chi trả cho các khoản vay từ dòng tiền dự kiến của dự án và các gói thoả thuận hợp đồng tạo nên sự an toàn cho dự án hơn là từ các tài sản hữu hình.

Cơ sở để xác định đầu tư theo phương thức BOT trong nước hay nước ngoài là thực chất xác định nguồn vốn đầu tư lấy từ đâu. Đối với BOT trong nước, **Nghị định 77** quy định nguồn vốn thực hiện dự án bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn góp của các cá nhân và tổ chức khi thành lập doanh nghiệp BOT, vốn vay ở trong và ngoài nước, trong đó vốn sở hữu của doanh nghiệp BOT ít nhất phải bằng 30% tổng mức vốn đầu tư. Ngược lại, với BOT nước ngoài, nguồn vốn đầu tư là của các nhà đầu tư nước ngoài và nguồn vốn vay chủ yếu từ các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính quốc tế. Vốn pháp định có thể bằng 20-30% vốn đầu tư. Tuy nhiên đối với các khoản vay nước ngoài, doanh nghiệp BOT (trong nước hay nước ngoài) chỉ được phép ký kết hợp đồng vay khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

4. Hợp đồng BOT

Hợp đồng BOT được xác lập bởi Chính phủ (nước chủ nhà) và nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài. Nó được coi là thỏa thuận nền tảng và quan trọng nhất, liên quan đến các điều kiện cấp đặc quyền và các gói thoả thuận khác phục vụ cho dự

án, tạo lập cơ sở cho tất cả các thoả thuận mang tính chất hợp đồng của dự án BOT. Do đó, Hợp đồng BOT có thể được hiểu là “*thoả thuận xác lập nên một hợp đồng giữa Chính phủ và nhà đầu tư, là một tài liệu xác định và phân chia các rủi ro có liên quan đến quá trình xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, các gói tài chính và doanh thu, xác định các điều kiện đặc quyền liên quan đến công trình trong suốt thời gian cấp đặc quyền trước khi công trình được chuyển giao cho Chính phủ nước chủ nhà*” [9, tr.77].

Theo **Nghị định 62** và **Nghị định 02**, Hợp đồng BOT sẽ được ký kết bởi Chính phủ Việt nam và nhà đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp BOT được thành lập sau đó có thể ký vào bản hợp đồng để cùng với nhà đầu tư nước ngoài trở thành một bên của hợp đồng hoặc doanh nghiệp BOT sẽ ký kết một văn bản tuyên bố việc tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư được quy định trong hợp đồng BOT. Nhưng với BOT trong nước, pháp luật quy định là doanh nghiệp sẵn có hoặc các sáng lập viên của doanh nghiệp mới sẽ ký kết hợp đồng BOT với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, **Nghị định 77** và **Thông tư 12** đã không đề cập đến mối quan hệ và trách nhiệm của doanh nghiệp BOT đối với Hợp đồng BOT trong trường hợp người ký hợp đồng là các sáng lập viên với tư cách là chủ đầu tư, không có sự chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư được ghi nhận trong Hợp đồng BOT sang cho doanh nghiệp BOT. Điều này đã gây ra một sự tách rời quan hệ hợp đồng và ràng buộc trách nhiệm và phân chia rủi ro giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư và doanh nghiệp BOT trong quá trình thực hiện dự án. Do đó, **Nghị định 77** nên có sự sửa đổi cần thiết theo hướng giống như **Nghị định 62** và **Nghị định 02** đã quy định.

5. Lĩnh vực đầu tư

Mục đích chính của việc kêu gọi đầu tư theo phương thức BOT là nhằm xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng. **Nghị định 77** khuyến khích các nhà đầu tư trong nước đầu tư vào các lĩnh vực đường giao thông liên tỉnh, liên huyện, các cảng và cầu cảng, bến phà, bến xe, cung cấp hệ thống kho tàng và phương tiện bảo quản hàng hoá, xây dựng hệ thống cấp nước sạch, xử lý nước thải, sản xuất và phân phối điện, xây dựng khu công viên, trung tâm văn hoá thể thao, trường học, nhà ở và các dịch vụ công cộng khác có lợi cho nền kinh tế quốc dân. Ngược lại, **Nghị định 62** lại chỉ kêu gọi đầu tư nước ngoài theo phương thức BOT vào một số lĩnh vực với quy mô lớn hơn, chủ yếu là các công trình kết cấu hạ tầng như giao thông, sản xuất và kinh doanh điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Các ưu đãi

Do việc thành lập doanh nghiệp BOT dựa trên hai quy chế pháp lý khác nhau nên các ưu đãi áp dụng cho dự án BOT trong nước và nước ngoài cũng khác nhau.

Đối với BOT nước ngoài, ngoài các ưu đãi áp dụng chung cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quy định trong **Luật đầu tư nước ngoài năm 1996** và **2000**

và *Nghị định 24/2000/ND-CP* của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam ban hành ngày 31/7/2000, doanh nghiệp BOT còn được hưởng thêm những ưu đãi khác được quy định cụ thể trong ***Nghị định 62*** và ***Nghị định 02*** như sau:

- Doanh nghiệp BOT được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động của dự án và được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Thời hạn miễn thuế thu nhập trong 8 năm kể từ khi kinh doanh có lãi sẽ áp dụng nếu dự án BOT được thực hiện tại các địa bàn khuyến khích đầu tư;

- Doanh nghiệp BOT và các nhà thầu phụ được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định (kể cả thiết bị, máy móc, phụ tùng sử dụng cho việc khảo sát, thiết kế, thi công, xây dựng công trình) và các linh kiện, chi tiết, phụ tùng đi kèm theo; phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ nhập khẩu để tạo tài sản cố định và phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân; nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện dự án và phục vụ sản xuất, vận hành công trình;

- Doanh nghiệp BOT được miễn thuế thu nhập bản quyền liên quan đến chuyển giao công nghệ và miễn tiền thuê đất trong suốt thời hạn thực hiện dự án.

- Doanh nghiệp BOT được Ngân hàng Nhà nước Việt nam bảo đảm cho việc chuyển đổi các khoản thu nhập hợp pháp bằng tiền Việt nam từ việc thực hiện dự án ra tiền nước ngoài để đáp ứng các giao dịch vãng lai bằng ngoại tệ, thanh toán các khoản vay và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

Đối với BOT trong nước, các ưu đãi thuế và bảo đảm dành cho doanh nghiệp BOT và nhà đầu tư có phần ít hơn nhà đầu tư nước ngoài:

- Doanh nghiệp BOT sẽ hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức 25%, 20% và 15% tùy thuộc vào lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bốn năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho 9 năm tiếp theo¹;

- Doanh nghiệp BOT được miễn thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị sử dụng cho việc chuẩn bị đầu tư, tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp BOT được miễn trả tiền thuê đất trong suốt thời gian hoạt động;

- Doanh nghiệp BOT được mua ngoại tệ để thanh toán các dịch vụ và các khoản vay nước ngoài.

- Ngoài ra Doanh nghiệp BOT và nhà đầu tư còn được hưởng các ưu đãi khác được quy định trong Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

¹ Điều 20 Luật khuyến khích đầu tư trong nước (1998) và Điều 22 Nghị định 51/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/7/1999 quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

7. Cơ quản quản lý Nhà nước đối với dự án BOT

Các dự án BOT nước ngoài được xếp vào dự án nhóm A, Thủ tướng Chính phủ là người có thẩm quyền quyết định và phê duyệt Hợp đồng BOT trước khi chủ đầu tư và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ chỉ định (như các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) ký chính thức Hợp đồng BOT. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ cấp Giấy phép đầu tư sau khi có sự phê duyệt dự án BOT của Thủ tướng Chính phủ. Việc quản lý hoạt động của Doanh nghiệp BOT được quy về một mối là Bộ Kế hoạch và Đầu tư và có sự phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là một bên của Hợp đồng BOT, để hỗ trợ doanh nghiệp BOT trong các hoạt động liên quan đến dự án.

Đối với các dự án BOT trong nước, việc phân cấp cơ quan có thẩm quyền ký Hợp đồng BOT sẽ trên cơ sở phân loại dự án theo nhóm A, B, C phù hợp với các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng. Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) ký kết Hợp đồng BOT đối với dự án nhóm A. Đối với dự án nhóm B và C, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thực hiện dự án hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố hoặc Sở quản lý ngành trực thuộc theo sự uỷ quyền) sẽ đàm phán và ký kết Hợp đồng BOT (*Điểm 2 Thông tư 12*). Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giữ hai chức năng: vừa là một bên của Hợp đồng BOT vừa là cơ quan quản lý nhà nước đối với công trình BOT (*Điều 40 Nghị định 77*).

Có thể nói rằng, việc áp dụng phương thức BOT trong xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thành công hay thất bại phụ thuộc trước hết vào sự nhận thức và ủng hộ mạnh mẽ của Chính phủ cùng với các cơ quan trực thuộc Chính phủ. Điều này đặc biệt cần thiết khi việc áp dụng phương thức BOT ở Việt Nam gặp quá nhiều trở ngại và chưa khuyến khích được các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nguyên nhân chủ yếu là các quy định của pháp luật chưa thống nhất và các thủ tục hành chính quá rườm rà. Do đó, việc xây dựng một định hướng chiến lược rõ ràng và cụ thể về phát triển cơ sở hạ tầng, một hệ thống pháp luật đầy đủ và minh bạch sẽ tạo nên những thuận lợi cơ bản cho việc sử dụng phương thức BOT tại Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Hướng dẫn phát triển cơ sở hạ tầng qua các dự án xây dựng – vận hành – chuyển giao (BOT)*. NXB Thống kê, Hà Nội, 2000.
- 2] *Luật Đầu tư nước ngoài* năm 1996 và 2000.
- 3] Nghị định 24/2000/NĐ-CP của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- 4] Nghị định 77-CP của Chính phủ ngày 18/6/1997 về việc ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước.

- [5] Nghị định 62/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/8/1998 ban hành Quy chế đầu tư theo Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao, Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh và Hợp đồng xây dựng – chuyển giao áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- [6] Nghị định 02/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/1/1999 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62.
- [7] Tài liệu của hội thảo về “Cơ sở hạ tầng khu vực tư nhân” do Ngân hàng Thế giới tổ chức tại Hà Nội ngày 24-26/5/1998.
- [8] United Nations Industrial Development Organisation (UNIDO), Guidelines for Infrastructure Development through Build-Operate-Transfer (BOT) Projects (UNIDO BOT Guidelines”), Vienna 1996, trang 7.
- [9] A. Merna & N.J. Smith, *Projects Procured by Privately Financed Concession Contracts*, Asia Law & Practice, HongKong 1996, tập 1, trang 77.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVII, N^o4, 2001

LEGAL BASICS ENABLE THE PRIVATE INVESTORS TO DEVELOP THE INFRASTRUCTURE UNDER THE FORM OF BOT APPROACH IN VIETNAM

Vu Anh Thu

Faculty of International Studies

College of Social Sciences & Humanities - VNU

Increasing the development of infrastructure is essential requirements in the process of industrialization and modernization in Vietnam. However, the State budget for the infrastructure development is very limited. It is necessary, therefore, to look for a proper solution for resolving this obstacle. One of the approaches, which Vietnam has learnt from other countries and currently carried out in Vietnam, is to allow private enterprises investing in the infrastructure by the way of signing a build - operate - transfer contract with the Government. There are two legal regulations governing separately the activities of domestic and foreign investors in the infrastructure sectors. However, these legislations provide legal issues, which cause the differences when applying BOT approach over domestic and foreign investment. This article focuses on analyzing such diversities in order to raise the requirements for amendment and supplement of the two regulations for establishing an uniformity in the legal aspect to govern the BOT approach in both domestic and foreign investment.